

## NĂNG LỰC NGÔN NGỮ CỦA NGƯỜI NÙNG VẸN Ở VIỆT NAM

NGUYỄN THU HUYỀN\*

**Abstract:** This article discusses the language proficiency of the Nùng people in Cao Bằng province. By examining the Nùng Vẻn people's language proficiency in their native language, writing, Vietnamese and other languages, the article aims to present a picture of their current language competence. The author also suggest some recommendations to help Nùng Vẻn people further develop their language competence, contributing to the preservation of languages for this very few people.

**Key words:** *Nùng Vẻn people, language competence, mother tongue competence, Vietnamese and other language competence.*

### 1. Mở đầu

Nùng Vẻn là một nhóm địa phương thuộc dân tộc Nùng ở Việt Nam. Theo các tài liệu, thư tịch và tộc phả của các thế hệ trước thì người Nùng Vẻn có nguồn gốc từ Trung Quốc và di cư sang Việt Nam. Ở Việt Nam, người Nùng Vẻn cư trú duy nhất ở xóm Cỏ Tiêng, xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Xã Nội Thôn nằm trong thung lũng vùng cao Lục Khu, cách trung tâm huyện Hà Quảng khoảng 25 km. Theo số liệu điều tra năm 2021, xã Nội Thôn gồm có 425 hộ với 1.953 nhân khẩu. Trong đó, người dân tộc Nùng gồm có 394 hộ với 1.781 nhân khẩu. Người dân tộc Mông gồm có 31 hộ với 172 nhân khẩu. Nhóm Nùng Vẻn cư trú ở xóm Cỏ Tiêng bao gồm 43 hộ với 207 nhân khẩu. Trong đó, 170 nhân khẩu là người Nùng Vẻn. Số nhân khẩu còn lại trong các hộ người Nùng Vẻn này đều là dâu, rể thuộc nhóm Nùng Giang. Hiện nay, với dân số rất ít, lại cư trú trên địa bàn đa ngữ với sự tiếp xúc ngôn ngữ thường xuyên với ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt và các dân tộc thiểu số khác với dân số đông hơn, có thể hình dung về sự suy giảm sức sống của tiếng Nùng Vẻn và nguy cơ mai một tiếng Nùng Vẻn là hiện hữu.

### 2. Lịch sử nghiên cứu và khái niệm liên quan

Tiếng Nùng Vẻn đã nhận được sự quan tâm của một số nhà nghiên cứu. Những nghiên cứu chủ yếu tập trung ở mặt từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm và thanh điệu. Trong những năm gần đây, tiếng Nùng Vẻn tiếp tục được quan tâm nghiên cứu của một số tác giả khác. Trong đó, tác giả Nguyễn Hữu Hoàn [4] đã chỉ ra được mức độ gần gũi của tiếng Nùng Vẻn với ngôn ngữ của một số nhóm Nùng khác thông qua so sánh từ vựng. Theo hướng nghiên cứu về ngôn ngữ học xã hội, tác giả Dương Thu Hằng [2] đã chỉ ra thực trạng mai một ngôn ngữ/tiếng mẹ đẻ của các dân tộc thiểu số trong đó có tiếng Nùng Vẻn trong công trình nghiên cứu *Các ngôn ngữ có nguy cơ mai một ở Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*. Cũng trong công trình nghiên cứu của mình, tác giả cũng chỉ ra rằng tiếng Nùng Vẻn là một trong những ngôn ngữ có nguy cơ mai một cao. Theo đó, tỉ lệ người Nùng Vẻn được khảo sát nói được tiếng mẹ đẻ không cao.

Tuy vậy, những nghiên cứu về mặt ngôn ngữ học xã hội của người Nùng Vẻn chưa thấy được các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đề cập tới. Trong bài viết này, chúng tôi đi vào nghiên cứu năng lực ngôn ngữ đối với tiếng mẹ đẻ (tiếng Nùng Vẻn), tiếng Việt, tiếng dân tộc khác của người Nùng

---

\* ThS, Viện Ngôn ngữ học

Vền. Qua đó, bài viết sẽ đưa ra được bức tranh về thực trạng năng lực ngôn ngữ của cư dân Nùng Vền và đề xuất một số biện pháp nhằm giúp người Nùng Vền phát triển hơn nữa năng lực ngôn ngữ của mình, góp phần bảo tồn ngôn ngữ có rất ít người sử dụng này.

Trong bài viết này, chúng tôi quan niệm, *năng lực ngôn ngữ* là khả năng hiểu và sử dụng tiếng nói, chữ viết của các ngôn ngữ (tiếng mẹ đẻ, tiếng Việt, tiếng dân tộc khác) của các cá nhân trong cộng đồng ở các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết.

### 3. Phương pháp, tư liệu nghiên cứu

#### - Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu điền dã ngôn ngữ học: Để có được tư liệu cho chuyên đề này, chúng tôi đã sử dụng phương pháp nghiên cứu điền dã ngôn ngữ học để tiến hành điều tra, phỏng vấn cư dân Nùng Vền về năng lực ngôn ngữ của họ thông qua Bảng *Tìm hiểu năng lực ngôn ngữ và tình hình sử dụng ngôn ngữ của người Nùng Vền*.

Phương pháp miêu tả: Chúng tôi sử dụng phương pháp miêu tả với các thủ pháp luận giải bên trong và luận giải bên ngoài để phân tích, miêu tả về năng lực ngôn ngữ của cư dân Nùng Vền. Qua đó, chúng tôi phản ánh được thực trạng năng lực ngôn ngữ của cư dân Nùng Vền.

Ngoài ra, phần mềm SPSS cũng được sử dụng để xử lí tư liệu điều tra.

#### - Tư liệu nghiên cứu

Bài viết này dựa trên tư liệu điều tra ngôn ngữ học - xã hội trên 100 cộng tác viên (CTV) người Nùng Vền. Về độ tuổi, các CTV có độ tuổi từ 18 trở lên, trong đó có 39 CTV có độ tuổi từ 18 đến 35. 47 CTV có độ tuổi từ 35 đến 60. Và 14 CTV có độ tuổi trên 60. Về giới tính, 54 CTV là nam và 46 CTV là nữ. Về trình độ văn hoá, 11 CTV mù chữ; 35 CTV có trình độ tiểu học; 16 CTV có trình độ THCS; 29 CTV có trình độ PTTH; 04 CTV có trình độ trung cấp; 4 CTV có trình độ đại học; 01 CTV có trình độ sau đại học. Về nghề nghiệp, 92 CTV là nông dân; 01 CTV đã nghỉ hưu; 02 CTV là công nhân; 01 CTV là sinh viên; 03 CTV là cán bộ công chức, viên chức; 01 CTV công tác trong lực lượng vũ trang. Hầu hết các CTV đều sinh sống liên tục ở địa phương và không có thời gian sinh sống ở vùng khác từ một năm trở lên. Trong số 100 CTV, chỉ có 06% CTV đã từng sinh sống ở các địa phương khác trên một năm khi họ đi công tác hoặc làm ăn ở các tỉnh như Bắc Ninh và Thái Nguyên. Các thông số về cơ cấu CTV theo các tiêu chí điều tra về lứa tuổi, giới tính, trình độ học vấn, nghề nghiệp cho thấy sự phù hợp và đảm bảo tính đại diện của lượng mẫu được thu thập.

Tư liệu được tổng kết dựa trên Bảng: *Tổng kết tư liệu tìm hiểu năng lực ngôn ngữ và tình hình sử dụng ngôn ngữ của người Nùng Vền tại xóm Cả Tiếng, xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng* của đề tài cấp bộ *Tiếng Nùng Vền ở Việt Nam* do TS. Phan Lương Hùng làm chủ nhiệm.

### 4. Kết quả nghiên cứu

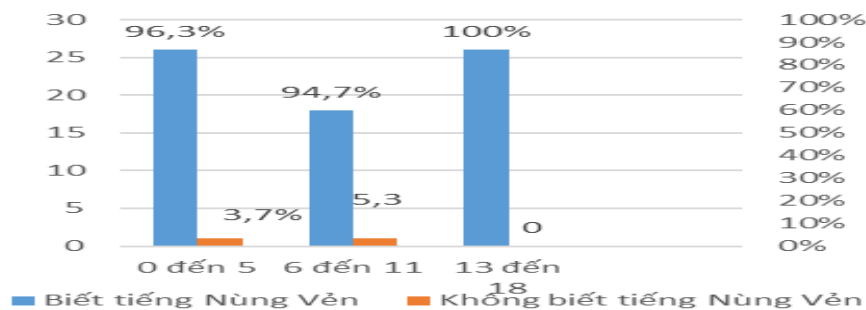
#### 4.1. Năng lực đối với tiếng nói, chữ viết mẹ đẻ

##### a. Năng lực đối với tiếng mẹ đẻ

Để tìm hiểu năng lực tiếng mẹ đẻ của cư dân Nùng Vền, chúng tôi khảo sát qua việc nghe - hiểu và sử dụng tiếng mẹ đẻ. Kết quả điều tra khảo sát cho thấy: 100% CTV có thể giao tiếp thành thạo tiếng mẹ đẻ của dân tộc mình để chia sẻ về các chủ đề trong cuộc sống mà họ quan tâm với các đối tượng là người thân trong gia đình như: bố, mẹ, vợ/chồng, bạn bè hay với người dân tộc mình. Cụ thể, kết quả khảo sát chỉ ra như sau: 100% CTV sử dụng tiếng mẹ đẻ để giao tiếp với ông, bà, bố, mẹ, bạn

bè và với người dân tộc mình. Tuy nhiên, khi giao tiếp với con cái thì mức độ sử dụng tiếng mẹ đẻ giảm. Theo kết quả khảo sát, trong môi trường giao tiếp này, 97,8% (89/91) người Nùng Vền sử dụng tiếng mẹ đẻ. 2,2% người Nùng Vền vừa sử dụng tiếng Nùng Vền vừa sử dụng tiếng Việt khi giao tiếp với con cái. Điều này cho thấy 100% người Nùng Vền đều có năng lực sử dụng tiếng mẹ đẻ tốt. Họ có thể sử dụng thành thạo tiếng mẹ đẻ trong tất cả các chủ đề giao tiếp của cuộc sống hàng ngày. Do vậy, khi giao tiếp với người đồng tộc, người thân trong gia đình mình họ luôn sử dụng tiếng mẹ đẻ mà không cần phải chuyển mã để giao tiếp. Ngoài ra, kết quả điều tra cũng cho thấy khi khảo sát việc sử dụng tiếng mẹ đẻ của những người thân trong gia đình CTV ở các môi trường giao tiếp như: với người dân tộc mình và người thân, 100% người thân trong gia đình của các CTV Nùng Vền đều sử dụng tiếng Nùng Vền. Điều này cho thấy, người Nùng Vền có năng lực tiếng mẹ đẻ tốt. Họ hoàn toàn có thể sử dụng tiếng mẹ đẻ của mình để trao đổi chia sẻ với người đồng tộc về mọi vấn đề diễn ra trong cuộc sống hàng ngày.

Về năng lực tiếng mẹ đẻ của trẻ em, năng lực ngôn ngữ của trẻ em được khảo sát thông qua câu hỏi: *Những người thân trong gia đình ông/bà biết những thứ tiếng nào dưới đây?* Kết quả điều tra khảo sát việc sử dụng tiếng mẹ đẻ của trẻ em được thể hiện qua Biểu đồ 1.



Biểu đồ 1. Năng lực sử dụng tiếng Nùng Vền của trẻ em

Từ biểu đồ có thể thấy, ở độ tuổi còn bé (0-5 tuổi), năng lực ngôn ngữ ở một số trẻ em chưa hoàn thiện nên có em còn chưa biết sử dụng tiếng mẹ đẻ của mình. Ở độ tuổi lớn hơn, năng lực ngôn ngữ đã phát triển và dần hoàn thiện thì trẻ em đều biết và có thể sử dụng tiếng mẹ đẻ của mình. Tuy nhiên, vẫn còn trường hợp trẻ ở độ tuổi 6-12 chưa sử dụng được thành thạo tiếng mẹ đẻ. Nhưng nhìn chung, trẻ em Nùng Vền có năng lực sử dụng tiếng mẹ đẻ tốt. Ngoài ra, trong phỏng vấn sâu với CTV Hoàng Văn Sáng sinh năm 1943 do TS Phan Hoàng Anh (Viện Ngôn ngữ học) thực hiện, CTV cũng cho biết: “Trẻ em cứ 5-6 tuổi là nói được tiếng Nùng Vền rồi, giữa bố mẹ và con cái giao tiếp bằng tiếng Nùng Vền với nhau nên mới truyền được. Bây giờ, ăn cái gì, làm cái gì, ngủ như thế nào mọi người toàn dùng tiếng Nùng Vền thôi...”. Do đó, trẻ em dễ dàng học và sử dụng được tiếng mẹ đẻ của mình.

#### b. Năng lực đối với chữ viết mẹ đẻ

Về năng lực đối với chữ dân tộc mình, cho đến nay người Nùng Vền chưa có chữ viết riêng. Do vậy, người Nùng Vền không biết và không có khả năng sử dụng chữ viết bằng tiếng Nùng Vền. Tuy vậy, qua khảo sát 100% người Nùng Vền đều có nguyện vọng có bộ chữ viết cho người Nùng Vền để bảo tồn, giữ gìn bản sắc dân tộc và bảo tồn tiếng dân tộc. Đối với chữ viết dân tộc Nùng, cư dân Nùng Vền không biết chữ viết Nùng. Theo kết quả khảo sát, khi được hỏi: *Hiện nay có lớp dạy chữ Nùng cho người dân ở thôn xóm không?* 100% CTV đều trả lời: không có. Và do thực tế cho đến nay, ở thôn xóm mà người Nùng Vền sinh sống không tổ chức dạy tiếng Nùng cho cư dân Nùng Vền nên cư dân

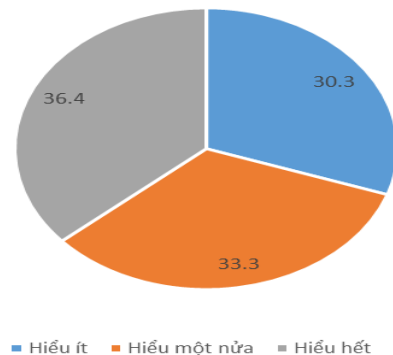
Nùng Vên không biết và không có khả năng sử dụng chữ Nùng - chữ viết chung của các nhóm Nùng khác nhau như: Nùng Vên, Nùng Giang, Nùng Phàn Slinh,...

## 4.2. Năng lực đối với tiếng Việt, chữ quốc ngữ

### a. Năng lực đối với tiếng Việt

Để tìm hiểu năng lực tiếng Việt của người Nùng Vên, chúng tôi tiến hành điều tra khả năng hiểu và sử dụng tiếng Việt của cư dân Nùng Vên. Qua điều tra khảo sát chúng tôi nhận thấy, cư dân Nùng Vên có khả năng giao tiếp tiếng Việt khẩu ngữ tốt. Điều này thể hiện qua việc người Nùng Vên có thể giao tiếp hoàn toàn bằng tiếng Việt khi đối tượng giao tiếp của họ là người Kinh hay khi họ làm việc tại các cơ quan công quyền như đến liên hệ giao dịch ở xã. Trong những bối cảnh giao tiếp này gần như 100% người Nùng Vên sử dụng tiếng Việt. Ngoài ra, trong các bối cảnh giao tiếp ở chợ hay họp ở ủy ban xã, ca hát... người Nùng Vên cũng đều sử dụng tiếng Việt với tỉ lệ cao. Để tìm hiểu thêm năng lực tiếng Việt của người Nùng Vên, trong phỏng vấn sâu với CTV Hoàng Văn Sáng sinh năm 1943 do điều tra viên Phan Hoàng Anh thực hiện vào ngày 18-2-2022, CTV này cho biết: "... Đảng và nhà nước bây giờ ồ ạt mở tất cả các trường từ vùng cao đến vùng đồng bằng. Nói chung tiếng Việt giờ là thông, thông hết rồi, dân tộc nào cũng biết nói tiếng Kinh". Điều này một lần nữa cho thấy rõ thêm về năng lực tiếng Việt của người Nùng Vên. Tuy nhiên, năng lực tiếng Việt của cư dân Nùng Vên có sự thay đổi rõ rệt khi họ tham gia các hoạt động khác như xem ti vi. Để điều tra khả năng xem - hiểu ti vi của người Nùng Vên, đề tài đã khảo sát thông qua câu hỏi: *Khi xem ti-vi thì ông/bà có hiểu rõ không?*. Kết quả khảo sát được thể hiện ở Biểu đồ 2.

Kết quả khảo sát cho thấy, khi cư dân Nùng Vên xem ti vi, chỉ có 36,4% cư dân có khả năng hiểu tiếng Việt tốt. Họ có thể hiểu hết được những vấn đề được phát sóng trên đài truyền hình về các chủ đề khác nhau của cuộc sống. Tuy vậy, có tới 33,3% CTV hiểu được một nửa nội dung thông điệp và 30,3 % CTV chỉ hiểu được một ít nội dung thông điệp phát trên đài truyền hình. Những CTV hiểu được một nửa và chỉ hiểu được một ít nội dung được phát trên đài truyền hình cho rằng họ gặp trở ngại do nhà đài sử dụng từ ngữ khác. Như vậy, khi xem ti vi những từ ngữ về khoa học, kỹ thuật hay những từ ngữ liên quan đến những chuyên ngành hẹp hoặc gặp những từ ngữ mới thì cư dân không thể hiểu hết được ý nghĩa nội



Biểu đồ 2: Năng lực xem - hiểu ti vi của người Nùng Vên

dung của thông điệp. Ngoài ra, kết quả điều tra cũng chỉ ra, chỉ có 3% CTV đọc sách báo, xem mạng xã hội bằng tiếng Việt. Tuy nhiên, 3% CTV này có năng lực tiếng Việt tốt và họ có thể hiểu hết được nội dung thông tin được truyền tải thông qua sách báo hoặc mạng xã hội.

### b. Năng lực đối với chữ quốc ngữ

Để tìm hiểu năng lực sử dụng chữ quốc ngữ của cư dân, chúng tôi tiến hành điều tra khảo sát khả năng, mức độ sử dụng chữ quốc ngữ của cư dân Nùng Vên. Kết quả điều tra cho thấy, cư dân Nùng Vên chỉ sử dụng chữ quốc ngữ để ghi chép lại những vấn đề xảy ra trong cuộc sống hay trong nhắn tin sms, zalo, messenger. Trong đó, 86% CTV sử dụng chữ quốc ngữ để ghi chép cá nhân và 51% CTV

sử dụng để nhắn tin qua các ứng dụng mạng xã hội khác nhau. Ngoài ra, kết quả khảo sát cũng cho thấy không có CTV nào có thể sử dụng chữ quốc ngữ để sáng tác văn thơ, viết truyện,... Điều này cũng phản ánh một thực tế rằng, đời sống cư dân Nùng Vền còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí còn chưa cao nên việc học tập tiếng Việt, sử dụng thành thạo chữ quốc ngữ vẫn còn gặp nhiều trở ngại, hạn chế. Việc sử dụng chữ quốc ngữ để ghi lại những câu chuyện truyền lại cho các thế hệ sau hay sáng tác văn thơ làm phong phú đời sống tinh thần cũng là một điều còn hết sức khó khăn với cư dân nơi đây.

Như vậy, người Nùng Vền có năng lực giao tiếp tiếng Việt khẩu ngữ cao. Họ có thể sử dụng tốt tiếng Việt để trao đổi giao tiếp trong một số bối cảnh như giao tiếp với người Kinh hay làm việc tại cơ quan công quyền. Tuy nhiên, năng lực tiếng Việt để tiếp cận thông tin qua kênh truyền hình thì chưa cao. Ngoài ra, kết quả khảo sát cũng cho thấy năng lực về chữ quốc ngữ của cư dân chưa cao thông qua việc sử dụng chữ quốc ngữ để ghi chép lại những vấn đề xảy ra trong cuộc sống cũng như nhắn tin để trao đổi, chia sẻ thông tin với bạn bè, người thân.

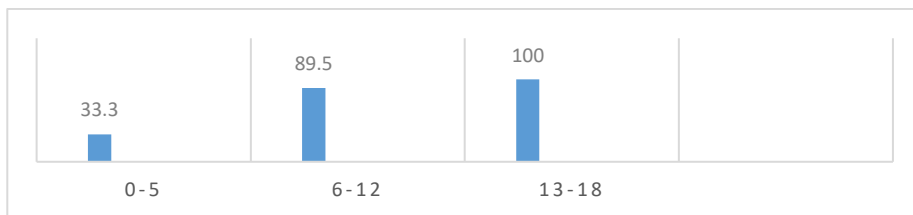
### 4.3. Năng lực đối với tiếng nói, chữ viết các dân tộc khác

#### a. Năng lực đối với tiếng nói các dân tộc khác

Để khảo sát năng lực sử dụng tiếng nói các dân tộc khác của người Nùng Vền, chúng tôi đã sử dụng câu hỏi: *Ông/bà có thể sử dụng những tiếng nói, chữ viết nào dưới đây và ở mức độ nào?* Kết quả nghiên cứu cho thấy, cư dân Nùng Vền chỉ có thể giao tiếp được với cư dân nhóm Nùng Giang ở các mức độ khác nhau. Trong đó, 96% cư dân Nùng Vền có thể giao tiếp thạo nhiều chủ đề khác nhau, có thể tranh luận được nhiều chủ đề khác nhau. Chỉ có 4% người Nùng Vền có thể giao tiếp thạo ở các chủ đề giao tiếp hàng ngày. Đối với ngôn ngữ của các nhóm Nùng khác, kết quả khảo sát cho thấy 100% cư dân người Nùng Vền không thể giao tiếp được với cư dân các nhóm Nùng khác như: Nùng Xuông, Nùng Dín, Nùng Cháo, Nùng Khen Lài, Nùng Lòì,... Họ không thể hiểu được ngôn ngữ của các nhóm Nùng khác nên không thể giao tiếp được với cư dân các nhóm Nùng đó.

Như vậy, ngoài tiếng mẹ đẻ và tiếng Việt, hầu hết cư dân Nùng Vền đều có thể giao tiếp thạo tiếng Nùng Giang. Điều này cũng phản ánh một thực tế là người Nùng Giang có mối quan hệ khá gần gũi với người Nùng Vền. Người Nùng Giang cư trú gần với người Nùng Vền, trai gái người Nùng Giang lớn lên có thể kết hôn với trai gái người Nùng Vền. Theo kết quả điều tra của chúng tôi, 90% người Nùng Vền có thể học tiếng Nùng Giang ở các môi trường giao tiếp như: gia đình, trường học, bạn bè, người quen. 10% còn lại có thể học tiếng Nùng Giang thông qua hai hoặc ba trong số bốn môi trường giao tiếp nói trên. Do có nhiều môi trường giao tiếp thuận lợi khiến người Nùng Vền có thể dễ dàng tiếp cận, học tập và sử dụng tiếng Nùng Giang nên năng lực tiếng Nùng Giang của người Nùng Vền khá tốt. Cũng theo điều tra phỏng vấn sâu với CTV Hoàng Văn Sáng do điều tra viên Phan Hoàng Anh Viện Ngôn ngữ học thực hiện. CTV này cho biết: các cháu người Nùng Vền không học tiếng Nùng Giang ở nhà mà lớn lên giao lưu bạn bè và tham gia các hoạt động bên ngoài thì tự nói được. Ở nhà không nói tiếng Nùng Giang chỉ có tiếng Nùng Vền thôi. Tuy nhiên, gia đình nào có mẹ hoặc bố là người Nùng Giang thì trẻ em vẫn được tiếp xúc và biết tiếng Nùng Giang.

Về năng lực sử dụng tiếng Nùng Giang của trẻ em, chúng tôi khảo sát thông qua câu hỏi: *Những người thân trong gia đình ông/bà biết những thứ tiếng nào dưới đây?* Kết quả điều tra khảo sát việc sử dụng tiếng mẹ đẻ của trẻ em được thể hiện qua Biểu đồ 3.



Biểu đồ 3. Năng lực tiếng Nùng Giang của trẻ em Nùng Vên

Từ bảng thống kê trên có thể thấy, trẻ em Nùng Vên có năng lực sử dụng tiếng Nùng Giang ở độ tuổi 0-5 chiếm tỉ lệ thấp. Những trẻ em này sử dụng được tiếng Nùng Giang là do gia đình có bố hoặc mẹ là người Nùng Giang nên đã được tiếp xúc và biết tiếng Nùng Giang. Năng lực tiếng Nùng Giang của trẻ em tăng lên ở những độ tuổi tiếp theo. Điều này do các em Nùng Vên khi lớn lên được tiếp xúc với tiếng Nùng Giang trong các môi trường giao tiếp nên các em có thể sử dụng được. Tuy nhiên, ngoài tiếng Nùng Giang, trẻ em Nùng Vên không có khả năng sử dụng ngôn ngữ nào khác. Điều này cũng phản ánh thực tế là trẻ em Nùng Vên có quan hệ gần gũi với trẻ em Nùng Giang và khi lớn lên chúng có giao lưu, tìm hiểu nhau nên trẻ em Nùng Vên có động lực học và sử dụng tốt tiếng Nùng Giang.

#### b. Năng lực đối với chữ viết các dân tộc khác

Để tìm hiểu năng lực sử dụng chữ viết các dân tộc khác của người Nùng Vên, chúng tôi đã sử dụng câu hỏi: Ông/bà có thể sử dụng những tiếng nói, chữ viết nào dưới đây và mức độ nào? Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy không có CTV nào biết chữ viết của các dân tộc khác. Điều này có thể do cư dân Nùng Vên không được học chữ viết các dân tộc khác ở nơi cư trú và ở trường học. Do vậy, họ không có năng lực về chữ viết các dân tộc khác.

### 5. Kết luận

Thứ nhất, về năng lực ngôn ngữ, cư dân Nùng Vên là cư dân đa ngữ. Ngoài tiếng mẹ đẻ, cư dân Nùng Vên có thể sử dụng tốt tiếng Việt và tiếng Nùng Giang trong nhiều chủ đề giao tiếp. Trong bối cảnh giao tiếp gia đình, tiếng Nùng Vên luôn được ưu tiên số một. Do vậy, trẻ em từ khi sinh ra đã được tiếp xúc và thấm thía tiếng mẹ đẻ của mình. Hầu hết cư dân Nùng Vên có thể sử dụng tiếng Nùng Giang để tranh luận về nhiều chủ đề khác nhau trong cuộc sống. Họ có năng lực tiếng Nùng Giang tốt là do nhóm Nùng Vên có quan hệ khá gần gũi với nhóm Nùng Giang nên họ có nhiều môi trường để học và sử dụng tốt tiếng Nùng Giang. Người Nùng Vên có năng lực tiếng Việt khẩu ngữ tốt. Họ có thể sử dụng hoàn toàn tiếng mẹ đẻ để giao tiếp với người Kinh hoặc làm việc ở cơ quan công quyền. Tuy vậy, trong những bối cảnh giao tiếp khác như xem ti vi thì năng lực tiếng Việt của họ chưa cao do họ gặp trở ngại bởi những từ ngữ mới.

Thứ hai, về năng lực chữ viết, người Nùng Vên chưa có chữ viết nên họ không có năng lực sử dụng chữ viết bằng tiếng Nùng Vên. Đối với chữ viết của dân tộc Nùng, chữ Nùng cho đến nay chưa được phổ biến tới cư dân Nùng Vên nên cư dân không biết và không có khả năng sử dụng chữ Nùng. Đối với chữ quốc ngữ, năng lực sử dụng chữ quốc ngữ của người Nùng Vên chưa cao. Họ chủ yếu sử dụng chữ quốc ngữ trong ghi chép hằng ngày; chưa thể sử dụng chữ quốc ngữ để sáng tác thơ văn do trình độ dân trí còn thấp và năng lực tiếng Việt chưa cao.

Từ những kết luận trên, chúng tôi đi đến một số kiến nghị sau để góp phần nâng cao năng lực ngôn ngữ của người Nùng Vên.

Đảng và nhà nước nên có cơ chế chính sách và đầu tư kinh phí cho địa phương để tổ chức một số lớp dạy chữ Nùng. Đối tượng tham gia học là các cán bộ văn hoá, các nhà tri thức sống tại địa phương, những người yêu thích chữ viết của dân tộc mình. Vì chữ Nùng là chữ viết chung của dân tộc Nùng nên người Nùng Vên cũng cần biết chữ viết của dân tộc mình để có thể tiếp cận được những tinh hoa của dân tộc mình.

Đảng và nhà nước nên khuyến khích và có chính sách đầu tư cho các sáng tác văn hoá văn nghệ phiên âm tiếng dân tộc để nâng cao năng lực ngôn ngữ cũng như bảo tồn văn hoá của nhóm Nùng này. Ngoài ra, Đảng và nhà nước cũng cần có chính sách sớm xây dựng bộ chữ viết cho cư dân Nùng Vén để góp phần bảo tồn tiếng nói cho cư dân nơi đây.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

##### Tiếng Việt

1. Beth Nicolson, *Tiếng Nùng ở tỉnh Lạng Sơn*, Tạp chí Ngôn ngữ, Số 2, tr.57-66, 2000.
2. Dương Thu Hằng, Nguyễn Thu Quỳnh (đồng chủ biên), Nguyễn Văn Lợi, Tạ Quang Tùng, *Các ngôn ngữ có nguy cơ mai một ở Việt Nam - Những vấn đề lí luận và thực tiễn*, NXB KHXH, 2022.
3. Nguyễn Hữu Hoàn (chủ biên), *Ngôn ngữ, chữ viết các dân tộc thiểu số ở Việt Nam (Những vấn đề chung)*, NXB Từ điển Bách Khoa, 2013.
4. Nguyễn Hữu Hoàn (chủ biên), *Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam: Một số vấn đề về xác định thành phần, tên gọi và cách viết tên ngôn ngữ trong mối quan hệ với dân tộc*, NXB KHXH, 2022.
5. Phan Lương Hùng (chủ nhiệm), *Tiếng Nùng Vén ở Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu Khoa học cấp Bộ, Viện Ngôn ngữ học, 2022.
6. Jerould Edmondson, Nguyễn Văn Lợi, Hoàng Văn Ma, Tạ Văn Thông, *Nùng Vén (Ênh) - một ngôn ngữ thuộc nhóm Kadai mới được phát hiện*, Tạp chí Ngôn ngữ, Số 5, 1999.
7. Nguyễn Văn Khang, *Ngôn ngữ học xã hội*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012.
8. Nguyễn Quang, *Từ năng lực ngôn ngữ đến năng lực liên văn hóa*, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Nghiên cứu nước ngoài, Tập 32, Số 3, Tr. 1-9, 2016.
9. Đoàn Thiện Thuật, *Tây - Nùng language in the North Vietnam*, Institute for the study of languages and cultures of Asia and Africa, Tokyo University of foreign studies, 1996.
10. Viện Dân tộc học, *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía Bắc)*, NXB KHXH, 2014.
11. <http://haquangtv.vn/tin-tuc/Viet-ve-Ha-Quang/An-so-kho-tram-tich-van-hoa-nguoi-Nung-Ven-duy-nhat-o-Cao-Bang-3456.html> Truy cập 10h 38 ngày 25 tháng 4 năm 2022.

##### Tiếng nước ngoài

12. Chomsky, N., *Aspects of the Theory of Syntax*, Cambridge Mass. MIT Press, 1965.
13. F.M.Savina, *Dictionnaire Étymologique Français - Nùng - Chinois*, Hongkong Imprimerie De La Soc é té Des Missions Étrangères, 1924.
14. Summer Institute of Linguistics, *Thời Cũ Cũnh Nohng Fạn Slihg*, Mainland Southeast Asia Branch, 1976.

#### ĐÍNH CHÍNH

1. Bài viết *Chất giọng của người Việt qua các chỉ số rung động dây thanh* của tác giả TS. Vũ Thị Hải Hà - Viện Ngôn ngữ học đăng trên TCNN Số 10 năm 2023, Tr.3-18 là sản phẩm của Đề tài cấp Bộ: *Phân tích chất giọng của bệnh nhân mắc bệnh dây thanh trước và sau phẫu thuật*.
2. Bài viết *Ứng dụng ArcGIS xây dựng bản đồ biến thể một số vần tiếng địa phương Thanh Hóa* của tác giả TS. Nguyễn Tài Thái - Viện Ngôn ngữ học đăng trên TCNN Số 10 năm 2023, Tr.19-29, là sản phẩm của Đề tài cấp Bộ: *Xây dựng bản đồ các biến thể ngữ âm tiếng Thanh Hóa dựa trên phần mềm ArcGIS*.